

Chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam- Thực trạng và khuyến nghị

PGS.TS. Nguyễn Tiệp

Đại học Lao động- Xã hội

Một trong những yếu tố quan trọng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế ở nước ta là sự chuyển dịch cơ cấu lao động. Thực chất của chuyển dịch cơ cấu lao động là tổ chức và phân công lại lao động, qua đó làm thay đổi quan hệ tỷ trọng lao động giữa các ngành, vùng, thành phần kinh tế... Trong các năm đổi mới, cơ cấu lao động trong nền kinh tế nước ta đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực, có vai trò quan trọng đối với nâng cao năng suất lao động xã hội và hiệu quả của nền kinh tế. Sau đây đánh giá một số tình hình về chuyển dịch cơ cấu lao động trong các năm gần đây.

1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành:

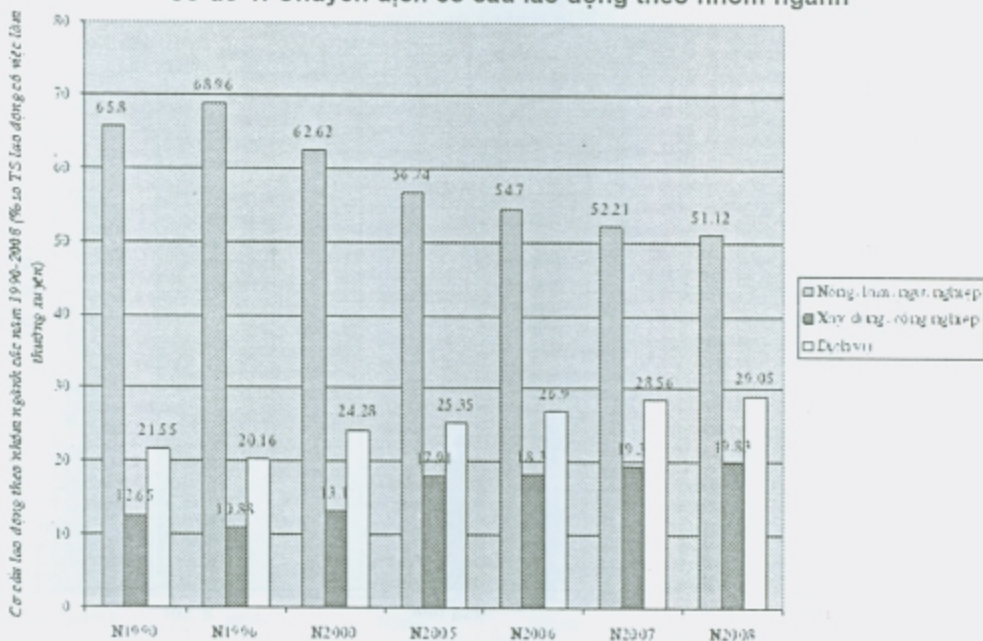
Do đặc điểm của nền kinh tế nước ta đang ở trình độ lạc hậu, nên chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình chuyển hoá nền kinh tế từ lạc hậu sang hiện đại, từ các ngành có năng suất lao động thấp sang các ngành có năng suất lao động cao hơn. Chuyển dịch cơ cấu lao

động theo ngành trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá vận động theo xu hướng chuyển dần phần lớn lao động nông nghiệp sang lao động các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tình hình chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành cho thấy như sơ đồ 1.

Trong giai đoạn 1990- 2007 lao động ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm từ 65% năm 1990 xuống còn 51,12% năm 2008, trung bình mỗi năm giảm 0,77%. Trong khi đó, lao

động trong ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 12,65% năm 1990 lên 19,83% năm 2008, trung bình mỗi năm tăng 0,39% và lao động trong ngành dịch vụ tăng từ 21,55% năm 1990 lên 29,05% năm 2008, trung bình mỗi năm tăng 0,38%. Việc chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp có năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ có năng suất lao động cao hơn nhiều có tính quy luật tất yếu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền

Sơ đồ 1: Chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành



Bảng 1: Suất lao động xã hội tính bằng GDP/ một lao động làm việc của các ngành

TT	Ngành	Năng suất lao động, triệu đồng/người
1	Nông, lâm nghiệp	7,09
2	Thủy sản	24,59
3	Công nghiệp	58,25
4	Xây dựng	26,45
5	Thương nghiệp	25,29
6	Khách sạn, nhà hàng	45,78
7	Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	36,15
8	Văn hoá, y tế, giáo dục	27,37
9	Các ngành dịch vụ khác	57,55

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2006

kinh tế. Hiện nay, quá trình này đang tiếp diễn và thúc đẩy nền kinh tế nước ta chuyển dần sang một cấu trúc mới, cơ cấu ngành ngày càng hiện đại, hiệu quả hơn, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và phát triển nền kinh tế tri thức trên thế giới. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, chất lượng chuyển dịch cơ cấu lao động trong các năm qua còn thấp, biểu hiện rõ nhất là ở năng suất lao động còn thấp.

Năng suất lao động của lao động nông nghiệp chỉ bằng 1/3 năng suất lao động chung của cả nước, chỉ bằng 1/8 năng suất lao động công nghiệp. Nguyên nhân của tình

trạng năng suất lao động trong các ngành thấp là do trình độ công nghệ thấp, sử dụng thời gian còn hạn chế, lao động công nghiệp gia công, khai thác nguyên vật liệu... có giá trị gia tăng thấp chiếm tỷ trọng cao, lao động buôn bán nhỏ chiếm tỷ trọng lớn. So với nhiều nước trong khu vực, năng suất lao động nước ta có khoảng cách khá xa, ví dụ như năm 2008, bình quân một lao động trong công nghiệp chế biến ở nước ta chỉ tạo ra được 3557 USD giá trị gia tăng, bằng 1/2 của Trung Quốc, 1/3 của Ấn Độ, 1,4 của Thái Lan và Philippin, 1/5 của Malaysia... còn so với các nước phát triển

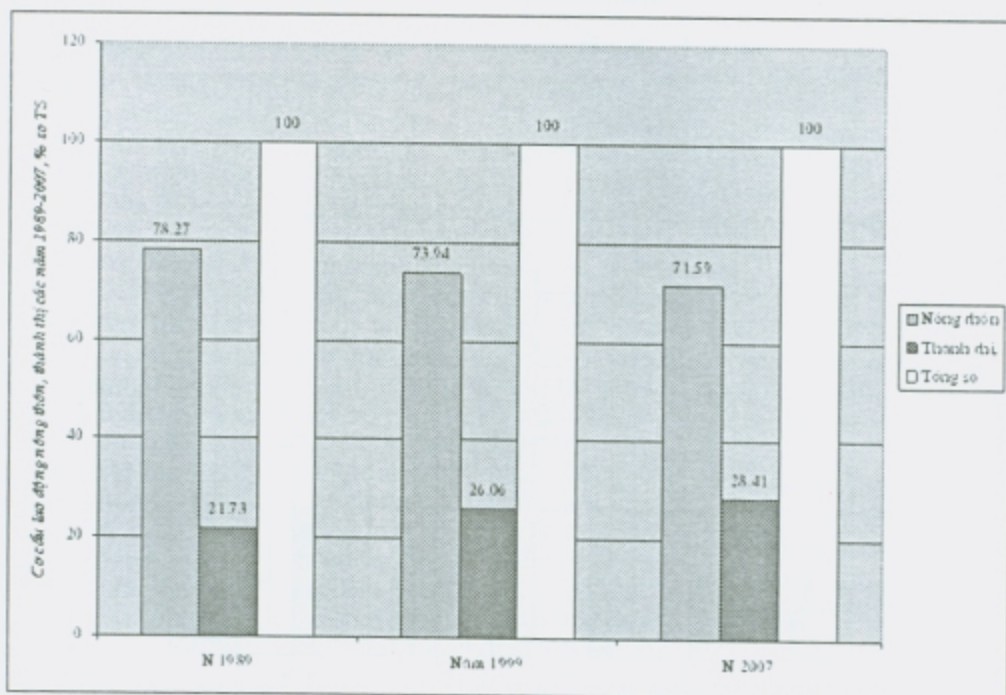
như Mỹ, Anh, Pháp... thì chênh lệch ở mức lớn hơn rất nhiều.

Ngoài ra cũng cần thấy rằng, hệ số cơ giới việc làm trong ngành công nghiệp và dịch vụ đang có dấu hiệu tốt hơn khu vực nông nghiệp, cũng có tác động đến xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành. Xét trong toàn bộ nền kinh tế, trong giai đoạn 2000- 2007, khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 1% thì số việc làm tăng thêm là 0,38% (hệ số coi giảm việc làm bằng 0,38%). Đối với nhóm ngành công nghiệp- xây dựng khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 1% thì số việc làm tăng thêm là 0,82%, đối với nhóm ngành thương mại- dịch vụ khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 1% thì số việc làm tăng thêm là 0,48%, đối với ngành nông, lâm, thủy sản, do tình trạng dư thừa lao động nên khi tăng vốn đầu tư thì không tác động nhiều đến chỗ việc làm mới được tạo ra và có hệ số cơ giới lao động trong giai đoạn này là - 0,13%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo vùng lãnh thổ:

Trong quá trình công nghiệp

Sơ đồ 2: Xu hướng vận động của cơ cấu lao động theo vùng lãnh thổ



hoá, hiện đại hoá, chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực nông thôn- thành thị là đặc trưng nhất của chuyển dịch lao động theo vùng lãnh thổ và diễn ra dưới tác động của quá trình đô thị hoá, dòng di chuyển lao động từ khu vực nông thôn đến các đô thị và khu công nghiệp. Cơ cấu lao động theo vùng lãnh thổ vận động theo xu hướng giảm dần lao động khu vực nông thôn và tăng dần lao động khu vực thành thị, cụ thể có thể qua sơ đồ 2.

Trong thời kỳ 1989- 2007 tỷ trọng lao động nông thôn có việc làm thường xuyên đã giảm từ 78,27% năm 1989 xuống còn 71,59% năm 2007, trung bình mỗi năm giảm 0,371% và tương ứng với đó là tỷ trọng lao động khu vực thành thị tăng lên. Chuyển dịch cơ cấu theo vùng lãnh thổ còn thể hiện ở chỗ, các vùng kinh tế trọng điểm có tốc độ chuyển dịch lao động nhanh hơn các vùng khác. Ví dụ như năm 2007, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỷ lệ lực lượng lao động thành thị so với tổng số lao động của vùng là 46,02% và nông thôn 53,98%. Trong các năm qua, chuyển dịch cơ cấu lao động theo nông thôn- thành thị còn diễn

ra với tốc độ thấp nguyên nhân là do tốc độ đô thị hoá còn thấp, ngoại trừ các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng khác có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp. Đồng thời, cũng cần thấy rằng, ngay tại các vùng nông thôn các hoạt động công nghiệp, dịch vụ cũng có sự phát triển với phương châm "ly nông bất ly hương". Đây là hướng quan trọng góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ngay tại địa bàn nông thôn, đặc biệt là các vùng có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên cho phát triển các ngành công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống.

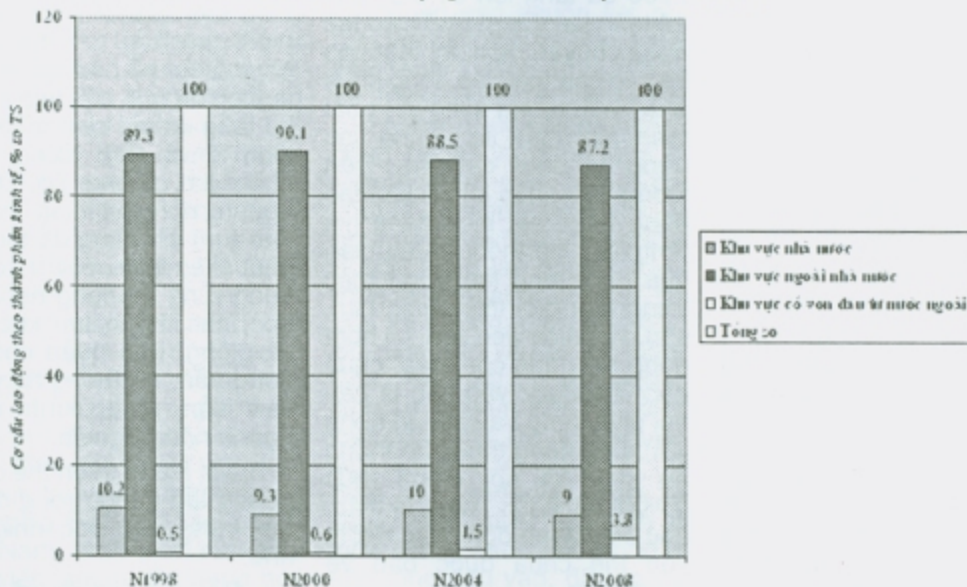
- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế phản ánh mức độ phát triển nền kinh tế thị trường, sự bình đẳng hoá môi trường pháp lý cho sự hoạt động năng động, hiệu quả của các khu vực kinh tế. Trong đó, một xu hướng tất yếu là việc giảm tỷ trọng lao động khu vực nhà nước và tăng lao động trong khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Xu hướng này thể hiện

như sơ đồ 3.

Sơ đồ trên cho thấy, trong các năm 1998- 2008 tỷ trọng lao động khu vực kinh tế nhà nước có giảm đáng kể (từ 10,2 năm 1998 xuống còn 9% năm 2008) nguyên nhân là do Nhà nước thực hiện đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tạo khung pháp luật cho doanh nghiệp nhà nước kinh doanh bình đẳng với các khu vực kinh tế khác. Từ đó, một bộ phận doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện tổ chức lại sản xuất và lao động để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động. Trong khi đó, các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, doanh nghiệp FDI ngày càng thu hút được nguồn vốn lớn từ trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh doanh doanh, tạo chỗ làm việc mới, nên ngày càng thu hút được nhiều lao động. Hiệu quả của vốn đầu tư khu vực tư nhân cũng cao hơn khu vực nhà nước. Trong giai đoạn 2000- 2007, bình quân phải có khoảng 7,8 đơn vị đầu tư nhà nước mới tạo ra được một đơn vị gia tăng; trong khi đó, khu vực kinh tế tư nhân là 3,2 và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 5,2. Trong các năm tới, với chương trình tiếp

Sơ đồ 3: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế



tục cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước và xu hướng phát triển nhanh các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì tỷ trọng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước sẽ chiếm tỷ lệ thấp hơn trong tổng số lao động làm việc trong nền kinh tế.

- *Những yếu tố cản trở quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động:*

Mặc dù đã đạt được những thành tựu trong chuyển dịch cơ cấu lao động nhưng thực tế cho thấy, có những yếu tố cản trở thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta như:

+ Tăng trưởng kinh tế còn thấp so với yêu cầu đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại đất nước. Tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1986- 1990 đạt 4,5%/năm, thời kỳ 1996-2000 là 7%/năm, 2001-2005: 7,5%, năm 2007: 8,48% và năm 2008: 6,23%. So với tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc thì tăng trưởng kinh tế của nước ta thấp hơn và đứng trước nguy cơ tụt hậu. Trong 25 năm đầu thực hiện chính sách đổi mới kinh tế, tốc độ tăng GDP bình quân/ năm của Trung Quốc đạt 9,5%, nhiều năm đạt trên 11%, một số vùng có tăng trưởng kinh tế đến 35%/năm như Thẩm Quyến...

+ Chất lượng tăng trưởng kinh tế trong các năm qua ở nước ta chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào tăng quy mô tài sản cố định và số lượng lao động; tác động của các nhân tố nâng cao trình độ công nghệ, kinh tế tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động còn nhiều hạn chế.

+ Cơ cấu đầu tư còn có bất cập, đầu tư còn chủ trọng nhiều vào các ngành gia công, ngành công nghiệp khai thác, ngành sử dụng nhiều lao động... trong khi các ngành kinh tế có hàm lượng công nghệ cao, ngành kinh tế tri thức còn chiếm tỷ trọng thấp.

+ Hệ thống pháp luật kinh tế, hành chính còn có bất cập cản trở đến đầu tư, thành lập doanh nghiệp, sát nhập, cho thuê doanh nghiệp...

+ Hệ thống hạ tầng cơ sở, nhất là hệ thống giao thông, điện, viễn thông... phát triển chưa đồng bộ, chất lượng dịch vụ còn thấp nên ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển dịch cơ cấu lao động, đặc biệt là tại các khu vực nông thôn, miền núi.

+ Chất lượng nguồn nhân lực còn có nhiều bất cập, tỷ lệ lao động qua đào tạo sơ cấp, học nghề trở lên năm 2000 là 15,51% trong tổng lực lượng lao động (trong đó 15% qua đào tạo nghề) và đến năm 2007 mới đạt 34,75 % (trong đó 23,1% qua đào tạo nghề). Như vậy, đa số lao động của nước ta là lao động phổ thông với các hạn chế khác như thiếu tác phong công nghiệp, tính chuyên nghiệp thấp, ngoại ngữ và tin học hạn chế, thích ứng thấp với các sự biến đổi trong nền kinh tế thị trường hội nhập kinh tế quốc tế...

+ Thị trường lao động phát triển chậm, thể hiện ở các mặt như: i). Tỷ lệ tham gia thị trường lao động thấp, năm 2000 tỷ lệ lao động làm công ăn lương chiếm tỷ lệ 18,4% lực lượng lao động và đến năm 2008 đã tăng lên 31,8% (trên 14 triệu lao động) ii). Thiếu lao động chuyên môn, kỹ thuật cao và cao cấp (cấu lao động chưa phát triển tương xứng với phát triển kinh tế) iii). Cung lao động bị chia cắt iv). Tiền lương, thu nhập của người lao động thấp, bất bình đẳng gia tăng v). Hệ thống trung gian của thị trường lao động (các trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm...) hoạt động hiệu quả còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu là cầu nối giữa cung và cầu lao động vi). Lao động thuộc hệ thống an sinh xã hội chính thức (BHXH, BHYT...) có tỷ lệ thấp, đặc biệt là lao động các nhóm yếu thế chưa được bảo vệ chính thức.

2. Một số khuyến nghị thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động

Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong các năm tới khuyến nghị một số giải pháp dưới đây:

Một là, Thực hiện các biện pháp pháp cần thiết để tăng trưởng kinh tế (tăng GDP) đạt 8%- 10%/ năm trở lên để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Tăng trưởng kinh tế phải dựa trên cơ sở phát triển nền kinh tế thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Chất lượng tăng trưởng kinh tế phải được đặt ra cùng với tăng trưởng kinh tế, trong đó năng suất, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của từng ngành, khu vực và toàn bộ nền kinh tế phải không ngừng được nâng lên.

Hai là, Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư để thu hút mạnh mẽ vốn trong và ngoài nước cho phát triển các ngành kinh tế. Trong đó, ngoài việc chú trọng đầu tư vào các ngành thu hút nhiều lao động để giải quyết việc làm còn đồng thời phải ưu tiên đầu tư phát triển các ngành công nghệ cao, ngành kinh tế tri thức có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn để thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của nền kinh tế. Trong đầu tư cần thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, nhằm khắc phục các yếu kém về năng suất, hiệu quả của nền kinh tế, hạ tầng cơ sở, trình độ quản lý kinh tế và chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó, đối với ngành nông nghiệp cần có đầu tư thích đáng để thúc đẩy phát triển theo chiều sâu, áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học, các thành tựu khoa học về giống, bảo quản chế biến nông sản, hệ thống thủy lợi... vào sản xuất, kinh doanh ngành nông nghiệp.

Ba là, Hoàn thiện thể chế thị trường lao động, trong đó cần tập trung vào các nhiệm vụ như:

- Đổi mới chính sách lao

động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển lao động giữa các khu vực kinh tế, giữa các địa phương, giữa các ngành, nghề theo cơ chế thị trường. Thể chế thị trường lao động phải tạo hành lang pháp lý phù hợp, đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, người sử dụng lao động và người lao động; hướng dẫn thực hiện Luật Dạy nghề, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động về giải quyết tranh chấp lao động và đình công; xây dựng Luật Việc làm, Luật Tiền lương tối thiểu; phê chuẩn các cộng ước và khuyến nghị của tổ chức lao động quốc tế (ILO) về lao động, việc làm và thị trường lao động; các thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam trong hội nhập...; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý Nhà nước về lao động -việc làm, thực hiện dân chủ hoá, công khai, minh bạch; đơn giản các thủ tục hành chính.

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao dịch trên thị trường lao động theo các hướng: i). Quy hoạch và phát triển hệ thống Trung tâm giới thiệu việc làm ở từng địa phương và trong cả nước, tập trung đầu tư và hiện đại hoá Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt tiêu chuẩn khu vực và sử dụng công nghệ thông tin hiện đại để thực hiện giao dịch lành mạnh, hiệu quả và chuyên nghiệp; tổ chức tốt công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động trong quá trình hội nhập. Phát triển hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm, đầu tư xây dựng 3 trung tâm giới thiệu việc làm khu vực tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và Miền Trung, phía Nam, phát triển sàn giao dịch việc làm ii). Đa dạng hoá

các kênh giao dịch trên thị trường lao động như thông tin, quảng cáo, trang tìm việc làm trên các báo, đài, tivi, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm... tạo điều kiện cho các giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động iii). Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động và nối mạng giữa các Trung tâm giới thiệu việc làm trên từng địa bàn với các Trung tâm giới thiệu việc làm ở các vùng kinh tế trọng điểm, các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung để thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động đầy đủ, kịp thời tới người lao động và người sử dụng lao động. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật lao động về thống kê, báo cáo, dự báo, cung cấp thông tin thị trường lao động; thực hiện các dự án thống kê, đánh giá, dự báo cung- cầu lao động, di chuyển lao động; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường lao động; làm tốt công tác dự báo, tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động; chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, điều tiết đảm bảo cân đối cung cầu lao động; khắc phục tình trạng thiếu lao động chuyên môn, kỹ thuật đối với vùng kinh tế trọng điểm.

Bốn là, Phát triển nguồn nhân lực chuyên môn kỹ thuật trên cơ sở hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường để phát triển hệ thống dạy nghề các cấp (sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề) và phát triển hệ thống giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, sau đại học, nhằm tăng nguồn cung lao động chuyên môn, kỹ thuật theo yêu cầu của thị trường; đảm bảo đồng bộ giữa các yếu tố lao động, vốn, đất đai, công nghệ... trong phát triển kinh tế- xã hội của các vùng, địa phương, khu vực kinh tế và toàn bộ nền kinh tế. Trong đó, cần tập trung giải quyết các vấn đề như: nâng cao chất lượng và mở rộng đầu vào, đầu ra của

đào tạo lao động chuyên môn, kỹ thuật; đào tạo suốt đời, gắn với nhu cầu của thị trường và hội nhập; đào tạo ngoại ngữ, tin học; nâng cao hiểu biết về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật; hoàn thiện ý thức, tác phong và thái độ làm việc của người lao động; giáo dục tác phong công nghiệp, tính chuyên nghiệp, khả năng thích nghi với các thay đổi...

Năm là, Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, thực hiện các cam kết mở cửa thị trường, tự do hoá thương mại, đầu tư, dịch vụ... nền kinh tế Việt Nam sẽ vận hành mạnh mẽ hơn theo nguyên tắc thị trường. Do đó, cần có hệ thống an sinh xã hội để ngăn ngừa và hạn chế những rủi ro, những vấn đề phát sinh của thị trường ảnh hưởng đến người lao động. Một hệ thống an sinh xã hội hữu hiệu phải đảm bảo bao phủ được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế... đối với những người lao động trong toàn bộ nền kinh tế. Hệ thống an sinh xã hội phải đảm bảo được sự thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi họ bị mất hoặc giảm thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tàn tật, thất nghiệp, tuổi già, tử tuất... nhằm đảm bảo an toàn đời sống cho người lao động và gia đình họ và góp phần đảm bảo an toàn xã hội. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Kết quả điều tra lao động- việc làm, Bộ LĐTBXH, 1996 - 2007;
2. Thống kê lao động việc làm, TCTK, 2008;
3. Niên giám thống kê 1990- 2008;
4. Tổng điều tra dân số Việt Nam 1989, 1999;
5. Tăng trưởng kinh tế và thị trường lao động, GS David L. Lindauer, Viện phát triển quốc tế Havard;
6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với vấn đề "Lao động và phát triển", Báo cáo thường niên, 2008.